

Số: 04/QĐ-THCSCT

Cần Giờ, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác nhận học sinh thuộc đối tượng chính sách được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 1 năm học 2023-2024

Căn cứ Quyết định số 542/2001/QĐ-UB, ngày 15 tháng 08 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Cần Thành;

Thực hiện Công văn số 202/GDDĐT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về việc thực hiện miễn, giảm học phí, tiền tổ chức 2 buổi ngày và chi phí học tập cho học sinh học kỳ 2 năm học 2021-2022;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ về xác nhận học sinh là thành viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo học tại các trường từ Mầm non đến Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Cần Giờ, học kỳ 1 năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 983/QĐ-GDDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về việc giao bổ sung dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay xác nhận các em thuộc đối tượng hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 1 năm học 2023-2024 (danh sách đính kèm) số tiền: **43.200.000đ** (Bốn mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng.) cụ thể như sau:

Học sinh được hưởng 4 tháng (từ tháng 09/2023 đến tháng 12/2023): $72 \text{ học sinh} \times 4 \times 150.000 = 43.200.000 \text{ đồng.}$

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên trong Hội đồng sư phạm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- KB Nhà nước Cần Giờ;
- Hiệu trưởng;
- Kế toán;
- Lưu: VT.



Thủ trưởng đơn vị

Trương Văn Hùng

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN GIỜ
TRƯỜNG THCS CẦN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Học kỳ I năm học 2023 - 2024)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ chi phí học tập	Mã số Hộ nghèo	Ký nhận (Ký, ghi họ tên)	Ghi chú Quan hệ với học sinh
A	B	C	1	2	3=1x2	4	5	6
1	VÕ THỊ KIM THOA	6/1	4	150.000	600.000	27664020317HN		
2	LÂM GIA HUY	6/1	4	150.000	600.000	27664020311HN		
3	NGUYỄN LÊ BẢO LÂM	6/1	4	150.000	600.000	27664010066HN		
4	LÊ NGUYỄN NHƯ NGỌC	6/1	4	150.000	600.000	27664051290HN		
5	TRÌNH ĐOÀN BẢO NGỌC	6/1	4	150.000	600.000	27664011709HN		
6	NGUYỄN LÊ NGỌC HÂN	6/1	4	150.000	600.000	27664040628HN		
7	NHAN NGỌC HÂN	6/2	4	150.000	600.000	27664030559HN		
8	LÊ HUỲNH KIM NGÂN	6/2	4	150.000	600.000	27664040686HN		
9	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	6/2	4	150.000	600.000	27664020397HN		



STT	Họ tên học sinh	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ chi phí học tập	Mã số Hộ nghèo	Ký nhận (Ký, ghi họ tên)	Ghi chú Quan hệ với học sinh
10	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	6/2	4	150.000	600.000	27664051037HN		
11	NGUYỄN HUỆ TÂM	6/2	4	150.000	600.000	27664050882HN		
12	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	6/2	4	150.000	600.000	27679011009HN		
13	PHẠM NGUYỄN YẾN VY	6/3	4	150.000	600.000	27664050967HN		
14	TRẦN NGỌC NHƯ QUỲNH	6/3	4	150.000	600.000	27664031578HN		
15	NGUYỄN THANH PHONG	6/3	4	150.000	600.000	27664010198HN		
16	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	6/4	4	150.000	600.000	27664051638HN		
17	CHUNG MINH HÀ	6/4	4	150.000	600.000	27664030487HN		
18	TRẦN THANH PHƯỚC THIÊN	6/4	4	150.000	600.000	27664051044HN		
19	ĐỖ VŨ ANH THƯ	6/4	4	150.000	600.000	27664040687HN		
20	LƯU ĐỨC TÍN	6/4	4	150.000	600.000	27664051058HN		
21	NGUYỄN THỊ HUỲNH TRẦN	6/4	4	150.000	600.000	27664051682HN		
22	CHÂU NGỌC TUÔNG VI	6/4	4	150.000	600.000	27664021625HN		
23	NGUYỄN MINH THUẬN	6/4	4	150.000	600.000	27679010488HN		

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ chi phí học tập	Mã số Hộ nghèo	Ký nhận (Ký, ghi họ tên)	Ghi chú Quan hệ với học sinh
24	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	6/5	4	150.000	600.000	27664010003HN		
25	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	6/6	4	150.000	600.000	27664010105HN		
26	LÊ HUYỀN BẢO NGỌC	6/6	4	150.000	600.000	27664010155HN		
27	HUYỀN GIA HÙNG	7/1	4	150.000	600.000	27664010241HN		
28	NGUYỄN MINH NHỰT	7/1	4	150.000	600.000	27664041608HN		
29	NGUYỄN THÀNH TÀI	7/1	4	150.000	600.000	27664050802HN		
30	TRẦN DIỄM PHƯƠNG	7/1	4	150.000	600.000	27664030487HN		
31	DƯƠNG THANH VŨ	7/2	4	150.000	600.000	27664010028HN		
32	LÂM THỊ NGỌC NGÀ	7/2	4	150.000	600.000	27664021555HN		
33	NGUYỄN HUYỀN TÚ ANH	7/2	4	150.000	600.000	27664051632HN		
34	TRẦN HOÀNG KIM YẾN	7/2	4	150.000	600.000	27664020863HN		
35	VÕ THANH THIÊN	7/2	4	150.000	600.000	27664051002HN		
36	PHAN HỒNG PHI	7/2	4	150.000	600.000	27664040716HN		
37	ĐOÀN HUYỀN TRÂM	7/3	4	150.000	600.000	27664050786HN		



STT	Họ tên học sinh	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ chi phí học tập	Mã số Hộ nghèo	Ký nhận (Ký, ghi họ tên)	Ghi chú Quan hệ với học sinh
38	LÊ NGUYỄN NHƯ Ý	7/3	4	150.000	600.000	27664051290HN		
39	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	7/3	4	150.000	600.000	27664010234HN		
41	NGÔ NGUYỄN TƯỜNG VY	8/1	4	150.000	600.000	27664010097HN		
42	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	8/1	4	150.000	600.000	27664010234HN		
43	NGUYỄN TƯỜNG VY	8/1	4	150.000	600.000	27664030605HN		
44	CHÂU NGUYỄN HUỲNH KHANG	8/2	4	150.000	600.000	27664010268HN		
45	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	8/2	4	150.000	600.000	27664010096HN		
46	CHUNG HIẾU TRỌNG	8/2	4	150.000	600.000	27664030487HN		
47	LƯU TRÍ ĐỨC	8/3	4	150.000	600.000	27664051058HN		
48	LÊ ĐỨC PHÁT	8/3	4	150.000	600.000	27664021572HN		
49	NGUYỄN THANH SÁNG	8/3	4	150.000	600.000	27664051131HN		
50	VÕ THANH VY	8/3	4	150.000	600.000	27664050807HN		
51	NGUYỄN TUYẾT HƯƠNG	8/4	4	150.000	600.000	27664040740HN		
52	NGUYỄN BẢO THI	9/1	4	150.000	600.000	27664011791HN		

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ chi phí học tập	Mã số Hộ nghèo	Ký nhận (Ký, ghi họ tên)	Ghi chú Quan hệ với học sinh
53	TRẦN DƯƠNG GIA LẠC	9/1	4	150.000	600.000	27664020863HN		
54	VÕ THANH LÂM	9/1	4	150.000	600.000	27664051002HN		
55	CHUNG NGUYỄN NHẬT LONG	9/1	4	150.000	600.000	27664031593HN		
56	TRẦN BẢO NGỌC	9/1	4	150.000	600.000	27664040620HN		
57	VÕ KIM NGUYỄN	9/1	4	150.000	600.000	27664010984HN		
58	DƯƠNG THANH PHONG	9/1	4	150.000	600.000	27664010028HN		
59	NGUYỄN THÀNH THÀI	9/1	4	150.000	600.000	27664051679HN		
60	TRẦN THỊ NGỌC KIM Y	9/1	4	150.000	600.000	27664051044HN		
61	PHẠM VĂN HÙNG	9/2	4	150.000	600.000	27664050914HN		
62	NGÔ MINH LỢI	9/2	4	150.000	600.000	27664010029HN		
63	TRẦN KIM NGUYỄN	9/2	4	150.000	600.000	27664030556HN		
64	LÊ HOÀNG NGỌC TRANG	9/2	4	150.000	600.000	27664030550HN		
65	NGUYỄN HỒNG TRANG	9/2	4	150.000	600.000	27664010268HN		
66	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	9/2	4	150.000	600.000	27664020126HN		

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ chi phí học tập	Mã số Hộ nghèo	Ký nhận (Ký, ghi họ tên)	Ghi chú Quan hệ với học sinh
67	HUỲNH HÀ TIỀN TRÚC	9/2	4	150.000	600.000	27664041602HN		
68	HỒ THỊ NGỌC THƠ	9/2	4	150.000	600.000	27679010431HN		
69	NGUYỄN PHAN DUY BẢO	9/3	4	150.000	600.000	27664010076HN		
70	PHAN ĐẶNG ANH HUỲNH	9/3	4	150.000	600.000	27664010266HN		
71	TRƯƠNG THỊ MỸ TUYỀN	9/4	4	150.000	600.000	27664050972HN		
72	NGUYỄN THÂN THƯƠNG	9/4	4	150.000	600.000	27664050935HN		
	Tổng cộng				43.200.000			

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng

Cần Giờ, ngày 04 tháng 01 năm 2024

Người lập bảng

(Signature)

Trần Thị Ngọt

Thủ trưởng đơn vị



Trương Văn Hùng